

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 19 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng
cấp tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 02 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự cấp tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thái B, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh K.

Địa chỉ: đường Trần Phú, phường Vĩnh TV, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Theo Giấy ủy quyền số 4049/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Ngọc H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch P.

Địa chỉ: đường Mạc Thiên Tích, khu phố m, phường B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo Giấy ủy quyền số 317/GUQ-PL ngày 10/12/2018 (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Lộ Văn R, sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 4, khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

3. *Người làm chứng*: Lộ Thị Bích L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: tổ 4, khu phố B, phường P, thành phố P, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2019 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H trình bày: Theo Hợp đồng tín dụng số LD1810200355 ngày 12/4/2018 Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đồng ý cho ông Lộ Văn R vay số tiền gốc 20.000.000 đồng; lãi suất trong hạn 2%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn vay 24 tháng; thanh toán cả gốc và lãi theo kỳ mỗi tháng 1.233.000 đồng; trong đó gốc 833.000 đồng và lãi 400.000 đồng; bắt đầu thanh toán từ ngày 12/5/2018 trở đi. Sau khi giải ngân ông R trả nợ gốc được 04 kỳ (04 tháng) số tiền 3.332.000 đồng và trả lãi được 02 kỳ (02 tháng); tổng cộng cả gốc và lãi 4.132.000 đồng và từ đó đến nay ông R không thanh toán. Tính đến hết ngày 19/6/2019 ông R còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền 22.768.456 đồng; trong đó: Nợ gốc 16.668.000 đồng; lãi trong hạn 400.000 đồng; lãi quá hạn 5.700.456 đồng.

Đại diện của Ngân hàng T yêu cầu ông Lộ Văn R trả cho Ngân hàng T tổng số nợ là 22.768.456 đồng; trong đó: Nợ gốc 16.668.000 đồng; lãi trong hạn 400.000 đồng; lãi quá hạn 5.700.456 đồng. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 bà Lộ Thị Bích L trình bày: Tôi là em ruột của ông Lộ Văn R. Trước thời điểm ông Lộ Văn R và bà Lê Ngọc V ly hôn thì ông R có hộ khẩu tại tổ 3, khu phố B, phường P. Sau thời điểm ly hôn ông R đến nhà tôi ở thuộc tổ 4, khu phố B, phường P và lấy địa chỉ này làm hộ khẩu riêng. Quá trình ở đây ông R thường xuyên bỏ nhà đi không rõ lý do và khi có việc ai cần thì tôi tìm kiếm về. Việc ông R nợ Ngân hàng lúc đầu tôi không biết; sau này Ngân hàng đến tìm đòi nợ tôi mới biết.

Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2019 bà Lộc Kim P cung cấp cho biết: Việc ông Lộ Văn R đi khỏi nơi có hộ khẩu thường trú tôi hoàn toàn không biết, vì ông R không có trình báo chính quyền địa phương.

Đại diện nguyên đơn anh Vũ Ngọc H có ý kiến tranh luận: Tôi yêu cầu Tòa án buộc ông R phải trả cho Ngân hàng T số nợ gốc và lãi suất như đã trình bày nói trên, vì ông R vi phạm hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Lộ Văn R vắng mặt: (không có ý kiến thể hiện việc tranh luận).

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T đối với ông Lộ Văn R. Buộc ông Lộ Văn R trả

cho Ngân hàng T tổng số tiền là 22.768.456 đồng; trong đó nợ gốc là 16.668.000 đồng; lãi trong hạn là 400.000 đồng và lãi quá hạn là 5.700.456 đồng. Buộc ông Lỗ Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giao dịch do Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Lỗ Văn R xác lập từ việc vay tiền. Phát sinh tranh chấp trên địa bàn thành phố P, nơi bị đơn là ông Lỗ Văn R cư trú, nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự cấp tín dụng. Thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Việc tranh chấp sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết đã tiến hành các trình tự về thủ tục tố tụng; mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, do bị đơn ông Lỗ Văn R được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt, nên việc hòa giải không tiến hành được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; đồng thời, Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho ông R biết theo quy định tại khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát và trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm. Không xem xét yêu cầu phản tố do bị đơn không có yêu cầu.

[3] Việc bị đơn ông Lỗ Văn R được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông R tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét việc vay nợ là do hai bên tự nguyện thỏa thuận xác lập hợp đồng với đối tượng vay là tiền đồng Việt Nam được phép giao dịch trên thị trường; hình thức hợp đồng bằng văn bản; thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc và lãi suất; phù hợp với những quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành ngày 15/01/2018; các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Quan hệ pháp luật tranh chấp chính trong vụ án là do ông Lỗ Văn R không trả được nợ gốc và lãi khi đến kỳ trả nợ mỗi tháng. Tại Hợp đồng tín dụng số LD1810200355 ngày 12/4/2018 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và ông Lỗ Văn R; Ngân hàng đã đồng ý cho ông Lỗ Văn R vay số tiền gốc 20.000.000 đồng và thỏa thuận các khoản lãi suất trong hạn và quá hạn. Tính đến hết ngày 19/6/2019 ông R còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền 22.768.456 đồng;

trong đó: Nợ gốc 16.668.000 đồng; lãi trong hạn 400.000 đồng; lãi quá hạn 5.700.456 đồng.

Tại khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực thi hành ngày 15/01/2018 quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật.”. Tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự” và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”. Như vậy, Ngân hàng T quyết định việc khởi kiện ông Lộ Văn R do vi phạm hợp đồng tín dụng; không trả được nợ vay khi đến kỳ hạn trả nợ là hoàn toàn đúng với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nghị cần buộc ông Lộ Văn R phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T nợ gốc, lãi suất trong hạn và quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã giao kết thì mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

[6] Về án phí: Ông Lộ Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch đối với giá trị tài sản có tranh chấp là 1.138.423 đồng ($22.768.456 \text{ đồng} \times 5\% = 1.138.423 \text{ đồng}$). Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp cho Ngân hàng TMCP T là 511.850 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng cấp tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đối với ông Lộ Văn R.

Buộc ông Lộ Văn R phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T tổng số tiền là 22.768.456 đồng (Hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm năm mươi sáu đồng); trong đó: nợ gốc là 16.668.000 đồng; lãi trong hạn 400.000 đồng; lãi quá hạn 5.700.456 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (ông Lộ Văn R) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay (ông Lộ Văn R) phải tiếp tục thanh toán cho Ngân

hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lộ Văn R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.138.423 đồng (Một triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 511.850 đồng (Năm trăm mười một nghìn, tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền số 0008871 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Hà Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Hà Tiên;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Văn Vân